

PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MÔ HÌNH LIÊN KẾT TRONG NUÔI CÁ TRA (*Pangasianodon hypophthalmus*) Ở ĐỒNG THÁP

ANALYSIS FACTORS AFFECT ON THE LINKAGE MODEL APPLIED TO STRIPED CATFISH (*Pangasianodon hypophthalmus*) CULTURE IN DONG THAP PROVINCE

Huỳnh Văn Hiền, Phạm Minh Đức và Trần Phương Ngân
Khoa Thủy Sản – Đại học Cần Thơ; Email: hvanhien@ctu.edu.vn

ABSTRACT

The linkage model, including horizontal and vertical linkage was applied to striped catfish farming system in order to reduce costs, increase production efficiency and improve competitiveness of catfish industry. The Binary Logistic regression method was applied to identify factors affecting on the linkage model application in striped catfish farming system in Dong Thap province. Total quantities of 51 owners of striped catfish farm were surveyed individually, in which the linkage striped catfish farm and non-linkage striped catfish farm was 30 owners and 21 owners, respectively. The results show that production of linkage farm (380.13 ± 150.05 tons/ha/crop) was higher than that of the non-linkage farm (354.17 ± 139.81 tons/ha/crop). The production cost was reduced 370 VND/kg in the linkage striped catfish farm compare to non-linkage farm. The farm gate price of striped catfish in the linkage farm was higher 920 VND/kg than that of the non-linkage farm. Corresponding to the profits of linkage farm (1.280 VND/kg) was higher than that of the non-linkage farms (-10 VND/kg). This study shows that the linkage farm had many advantages such as easy to sell, high gate price, and more efficiency production. A result of multivariate regression analysis identified three independent variables affect the dependent variable (linkage) including profit and water surface in striped catfish farm. However, the linkage model was applied popularly and efficiency in striped catfish in Dong Thap province in order to reduce production cost and to improve the competitiveness of striped catfish products. There must have policies to support and promote linkage products through the standard of quality management (e.g VietGap) to improve striped catfish culture in sustainability.

Key words: Striped catfish, *Pangasianodon hypophthalmus*, linkage model

ĐẶT VẤN ĐỀ

Liên kết trong sản xuất nhằm tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí, đạt hiệu quả cao hơn trong sản xuất và kinh doanh, tạo ra sức mạnh cạnh tranh, cùng nhau chia sẻ các khả năng, mở ra những thị trường mới (Đào Hữu Hoà, 2008). Trong thực tế sản xuất hiện nay của ngành hàng cá tra còn thiếu tính liên kết nên thường xuyên dẫn đến khủng hoảng thiếu hoặc khủng hoảng thừa điều này chứa nhiều rủi ro tiềm ẩn đối với người nuôi cá tra và các doanh nghiệp chế biến thủy sản (Đoàn Văn Hồ, 2009; Phạm Thị Bình, 2011). Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với qui mô lớn bất kỳ sản phẩm nông nghiệp nào, kể cả cá tra, đều có nhiều lợi ích hơn so với nền sản xuất với qui mô nhỏ lẻ. Đây là một trong những giải pháp quan trọng và là hướng đi tất yếu trong hiện tại và lâu dài cho phát triển bền vững chuỗi ngành hàng (Đỗ Văn Thông, 2012). Liên kết trong sản xuất nhằm tạo qui mô sản xuất lớn, đồng nhất về sản phẩm (nhất là chất lượng) và chủ động trong khâu phân phối trong thị trường (VASEP, 2012a). Theo Võ Thị Thanh Lộc (2011) có hai hình thức liên kết trong sản xuất và tiêu thụ cá tra hiện nay là liên kết ngang (người nuôi cá với người nuôi cá) nhằm tạo sản lượng lớn để tránh rủi ro đầu ra và giảm chi phí trong sản xuất, liên kết dọc (giữa người nuôi cá với doanh nghiệp cung ứng đầu vào và tiêu thụ đầu ra) nhằm chia sẻ lợi ích và chi phí trong sản xuất để nâng cao hiệu quả của chuỗi giá trị ngành hàng. Theo VASEP (2012b) nhấn mạnh đến hiệu quả sản xuất và tiêu thụ cá tra, trong đó tập trung vào mỗi liên kết sản xuất, lợi nhuận thực sự trong xuất khẩu thủy sản và đảm bảo nguồn nguyên liệu cung ứng cho sản xuất trong năm 2012. Theo nghiên cứu của Lưu Thanh Đức Hải (2008), việc thiếu liên kết trong sản xuất cá tra ở đồng bằng sông Cửu Long nên dẫn đến hiện tượng khủng hoảng thiếu hoặc khủng hoảng thừa làm cho giá bán không ổn định và người nuôi chịu nhiều rủi ro trong sản xuất. Tuy nhiên,

theo nghiên cứu của Đỗ Văn Thông (2012) thì việc thực hiện các hình thức liên kết gặp rất nhiều khó khăn, trong đó mối liên kết giữa người nuôi cá với qui mô nhỏ lẻ và công ty còn gặp nhiều trở ngại với lý do là chưa chuẩn bị tốt các điều kiện cần và đủ để tạo ra các liên kết bền vững. Thái Thanh Dương (2012) nhấn mạnh rằng ngành hàng cá tra hình thành mối liên kết giữa doanh nghiệp chế biến với người nuôi được kỳ vọng là giải pháp khả thi nhất giúp người nông dân có vốn đầu tư cho nuôi cá, còn doanh nghiệp chế biến thì thoát khỏi căn bệnh thiếu nguyên liệu triền miên. Mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ cá tra nhằm hướng tới nâng cao chất lượng để tạo thương hiệu chung cho sản phẩm cá tra Việt Nam và thực hiện các mối liên kết này một cách có hiệu quả và ổn định là vấn đề đang được đặt ra.